

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2020

V/v: “*Không công nhận là vợ chồng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tấn Thanh.

2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 565/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1124/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1972.

Cùng HKTT: Tổ 10, ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(chị T, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, không có đi đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu, chúng tôi chung sống hạnh phúc tại ấp Q, xã P, huyện N, đến năm 2016, vợ chồng chuyển khẩu về ấp V, xã P, huyện N. Khoảng tháng 5 năm 2020 thì tôi và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận tôi và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Tôi và anh H có chung với nhau 03 người con tên Trần Công H1, sinh năm 1993, Trần Thị D, sinh năm 1995 và Trần Thái T1, sinh năm 1997. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động sống tự lập, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa xét xử, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

** Tại bản tự khai ngày 27/10/2020 bị đơn – anh Trần Văn H đã trình bày giống nội dung trình bày ý kiến của chị T và thống nhất, đồng ý các yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, cũng như về việc thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung.*

Anh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án, tại phiên tòa xét xử, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

* Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện; Giấy chứng minh nhân dân của chị T, giấy khai sinh của anh H, sổ HKTT của chị T, anh H; Giấy khai sinh của ba con chung; Bản tự khai của đương sự, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án; Biên bản xác minh của UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân không hợp pháp; Có 03 người con chung tên Trần Công H1, sinh năm 1993, Trần Thị D, sinh năm 1995 và Trần Thái T1, sinh năm 1997. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động sống tự lập, chị T và anh H không yêu cầu tòa án giải quyết. Căn cứ vào các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không công nhận chị T, anh H là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị T và anh H đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T

yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh H là vợ chồng. Xét thấy, việc chị T và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị T và anh H có 03 người con chung tên Trần Công H1, sinh năm 1993, Trần Thị D, sinh năm 1995 và Trần Thái T1, sinh năm 1997. Hiện nay 03 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động sống tự lập, chị T và anh H không yêu cầu tòa án giải quyết nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 14, 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000816 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Nhơn Trạch;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;
- UBND xã V;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hường